TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 170/2024/QĐST-HNGĐ	*Gò Công Tây, ngày 11 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa:

*Nguyên đơn: Trần Ngọc P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh B.

*Bị đơn: Trương Ngọc H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Ngọc P và chị Trương Ngọc H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Ngọc P và chị Trương Ngọc H.

- Về con chung: Anh P và chị H thống nhất có 02 con chung gồm:

+ Trần Ngọc Kiều N, sinh ngày 07/7/2005 (đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết).

+ Trần Ngọc Kiều T, sinh ngày 13/4/2008.

Anh P và chị H thống nhất đồng ý giao con chung Trần Ngọc Kiều T, sinh ngày 13/4/2008 cho anh Trần Ngọc P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, lao động được.

Do anh Trần Ngọc P không yêu cầu chị Trương Ngọc H cấp dưỡng nuôi con chung nên chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Về án phí: Anh P tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà anh Phúc đã nộp theo biên lai thu số 0009508 ngày 11/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T được cấn trừ nên hoàn lại cho anh P số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Đ, huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Thanh Trinh